

Câu 6. Phân số nào sau đây là phân số dương:

A. $\frac{-22}{34}$

B. $\frac{22}{-34}$

C. $-\frac{22}{34}$

D. $\frac{-22}{-34}$

Câu 7. Biến đổi nào sau đây đúng:

A. $\frac{a}{b} + \frac{c}{b} = \frac{a+c}{2b}$

B. $\frac{a}{b} + \frac{c}{b} = \frac{a+c}{b}$

C. $\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{ac}{bd}$

D. $\frac{a}{b} \cdot \frac{b}{a} = 0$

Câu 8. Tỷ số của 5dm và 100cm là:

A. $\frac{5}{100}$

B. $\frac{100}{5}$

C. $\frac{50}{100}$

D. $\frac{100}{50}$

Câu 9. Trong các phân số sau phân số lớn hơn $\frac{3}{5}$ là

A. $\frac{11}{20}$

B. $\frac{8}{15}$

C. $\frac{22}{35}$

D. $\frac{23}{40}$

Câu 10. Trong các phát biểu sau phát biểu nào đúng?

A. $-\frac{1}{4} = 0,25$.

B. $-\frac{1}{4} = -0,25$.

C. $\frac{1}{4} = 0,205$.

D. $-\frac{1}{4} = -0,205$.

Câu 11. Kết quả của phép tính $2\frac{3}{4} - \left(\frac{1}{7} + 1\frac{3}{4}\right)$ bằng:

A. $1\frac{1}{7}$

B. $3\frac{6}{7}$

C. $1\frac{6}{7}$

D. $\frac{6}{7}$

Câu 12. Kết quả của phép tính $8 \cdot (-0,125) \cdot (-0,25) \cdot (-400)$ là

A. 100

B. 200

C. -100

D. -20

Câu 13. Kết quả của phép tính $32,1 - (-29,325)$ là:

A. -61,245.

B. 61,425.

C. 2,775.

D. -61,425.

Câu 14. Kết quả phép tính $2,72 \times (-3,25)$ là:

A. -8,84.

B. 8,84.

C. -88,4.

D. 88,4.

Câu 15. Làm tròn số thập phân 81,24035 đến hàng phần trăm ta được số:

A. 81,24.

B. 81,25.

C. 81.

D. 8,1240.

Câu 16. Làm tròn số -34567899 đến hàng triệu, ta được số:

A. -35000.

B. -34000000.

C. -3456000.

D. -34600000.

Câu 17. Kết quả của phép tính $4 \cdot 2\frac{2}{5}$ là:

A. $9\frac{3}{5}$.

B. $8\frac{2}{5}$.

C. $3\frac{3}{5}$.

D. $2\frac{1}{2}$.

Câu 18. Tính: 25% của 12 bằng

A. 2

B. 3

C. 4

D. 6

Câu 19. Ký hiệu nào sau đây dùng để viết điểm A thuộc đường thẳng d?

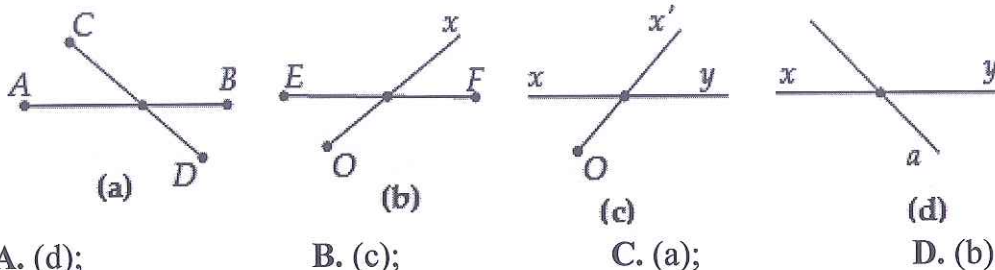
A. $a \in d$;

B. $A \in d$;

C. $d \in A$;

D. $A \notin d$.

Câu 20. Trong hình vẽ dưới đây, hình nào minh họa đoạn thẳng cắt tia?



- A. (d); B. (c); C. (a); D. (b).

Câu 21. Cho hai tia OK và OQ đối nhau thì trong ba điểm O , K , Q điểm nằm giữa hai điểm còn lại là:

- A. Điểm O ; B. Điểm K ;
C. Điểm Q ; D. Điểm K hoặc điểm Q .

Câu 22. Cho đoạn thẳng $PQ = 8 \text{ cm}$. Điểm M là trung điểm của PQ thì độ dài đoạn thẳng PM là:

- A. 4 cm ; B. 8 cm ; C. 16 cm ; D. 2 cm .

Câu 23. Trong các câu sau, câu nào đúng?

- A. Hai tia chung gốc thì đối nhau
B. Hai tia chung gốc cùng nằm trên một đường thẳng thì đối nhau
C. Hai tia chung gốc tạo thành một đường thẳng thì đối nhau
D. Hai tia đối nhau thì không cần chung gốc có số đo là.

Câu 24. Cho đoạn thẳng AB , gọi M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Biết $AM = 4,5 \text{ cm}$ Khi đó số đo đoạn thẳng AB là:

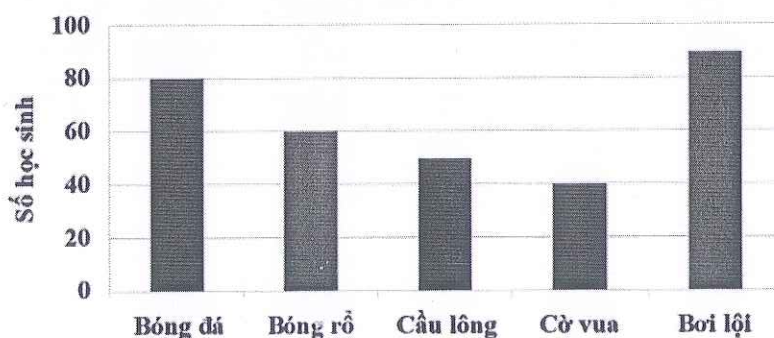
- A. 9. B. 4.5 C. 18 D. 3

B. PHẦN TỰ LUẬN

Số học

Bài 1:

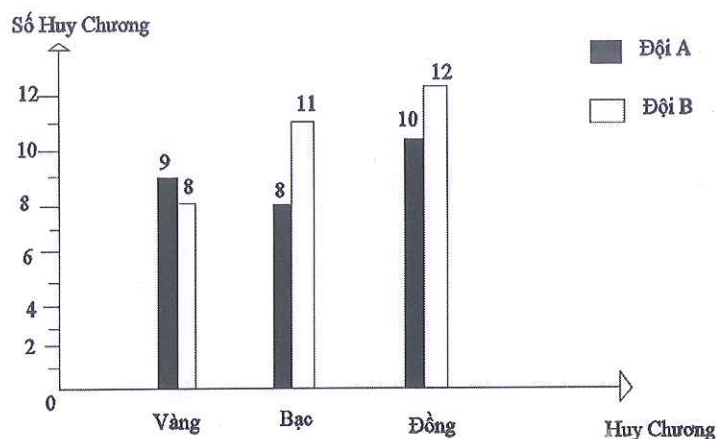
Môn thể thao yêu thích



Biểu đồ trên đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6 một trường THCS.

- a) Môn thể thao được yêu thích nhất là môn nào?
b) Số học sinh thích môn cầu lông?
c) Số HS thích bóng đá nhiều hơn số HS thích bóng rổ là bao nhiêu bạn?

Bài 2: Trong ngày hội thể thao chào mừng ngày thành lập Đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh, hai đội A và B đã giành được một số huy chương Vàng, Bạc, Đồng được biểu diễn bằng biểu đồ kép như hình sau:



- a) Tính tổng số huy chương các loại (Vàng, Bạc, Đồng) của mỗi đội A và B.
b) Cứ mỗi huy chương Vàng được tính 5 điểm, mỗi huy chương Bạc được tính 4 điểm, mỗi huy chương Đồng được tính 3 điểm. So sánh tổng số điểm đạt được của đội A và đội B.

Bài 3:. Trong hộp có 20 viên bi gồm 10 viên bi xanh, 6 viên bi đỏ và 4 viên bi vàng. Lấy ngẫu nhiên 1 viên bi. Tính xác suất thực nghiệm lấy được viên bi:

- a) Màu xanh b) Màu đỏ c) Màu vàng

Bài 4: Bạn An gieo một con xúc xắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được như sau. Hãy tính xác suất thực nghiệm:

- a) Xuất hiện mặt là số chẵn.
b) Xuất hiện mặt là số lớn hơn 2.

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	15	20	18	22	10	15

Bài 5. Thực hiện phép tính:

- a) $\frac{8}{13} + \frac{5}{13}$ b) $\frac{2}{3} + \frac{-2}{5} + \frac{-5}{6} - \frac{13}{10}$ c) $-\frac{2}{7} - \left(\frac{5}{11} - \frac{9}{7}\right) + \frac{5}{11}$
d) $\frac{7}{30} + \frac{-12}{37} + \frac{23}{30} + \frac{-25}{37}$ e) $11\frac{1}{4} - \left(2\frac{5}{7} + 5\frac{1}{4}\right);$ f) $\left(8\frac{5}{11} + 3\frac{5}{8}\right) - 3\frac{5}{11};$
g) $\frac{-5}{13} + \frac{2}{5} + \frac{-8}{13} + \frac{3}{5} - \frac{3}{7}$ h) $\frac{-5}{12} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{12} \cdot \frac{9}{11}$ i) $\frac{-5}{6} \cdot \frac{4}{17} + \frac{-7}{12} \cdot \frac{4}{17} - \frac{40}{57}$
k) $\frac{-3}{7} \cdot \frac{-1}{9} + \frac{7}{-18} \cdot \frac{-3}{7} + \frac{5}{6} \cdot \frac{-3}{7};$ l) $-\frac{1}{4} \cdot 13\frac{9}{11} - 0,25 \cdot 6\frac{2}{11};$
m) $\frac{4}{9} : \left(-\frac{1}{7}\right) + 6\frac{5}{9} : \left(-\frac{1}{7}\right)$ n) $\frac{2}{3} : \frac{4}{5} - \frac{5}{4} + \frac{1}{3} : \frac{4}{5}$

Bài 6. Tính bằng cách hợp lí

- a) $60,7 + 25,5 - 38,7$ b) $(-9,207) + 3,8 + (-1,5030) - 2,8$
c) $(-12,5) + 17,55 + (-3,5) - (-2,45)$ d) $2,07 + (-7,36) - (-8,97) + 1,03 - 7,64$
e) $(2,07 + 3,005) - (12,005 - 4,23)$ f) $4,35 - (2,67 - 1,65) + (3,54 - 6,33)$
g) $(-0,4) \cdot (-0,5) \cdot (-0,8)$ h) $(-1,6) \cdot (-0,125) \cdot (-0,5)$
i) $3,58 \cdot 24,45 + 3,58 \cdot 75,55$ k) $3,4 \cdot (-23,68) - 3,4 \cdot 45,12 + (-31,2) \cdot 3,4.$

Bài 7. Tìm x biết

a) $-\frac{5}{6} - x = \frac{2}{3}$.

b) $\frac{2}{3}x + \frac{1}{2} = \frac{1}{10}$

c) $\frac{2}{9} - \frac{7}{8} \cdot x = \frac{1}{3}$

d) $\frac{4}{5} + \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6}$

d) $\left(\frac{2}{5} - 1\frac{2}{3}\right) : x - \frac{3}{5} = \frac{2}{5};$

e) $1 - \left(-\frac{3}{4} + x\right) \times 2\frac{2}{3} = 0;$

f) $\left(2\frac{1}{3} + 3\frac{1}{2}\right) \cdot x = -4\frac{1}{6} + 3\frac{1}{3};$

g) $x : \left(3\frac{1}{2} - 5\frac{1}{6}\right) = 4\frac{1}{2} - 6\frac{2}{3};$

h) $4,12 - x = 3,15 \cdot 2$

i) $3,3(x - 1,2) = 9,9$

k) $\left(\frac{1}{2} + 2x\right)(2x - 3) = 0$

Bài 8. Tính tỉ số của

a) $\frac{2}{5}$ m và 70 cm

b) $\frac{2}{5}$ giờ và 12 phút

c) 2,5 tạ và 80 kg

Bài 9. Tỉ số giữa học sinh nam và học sinh nữ là 80%. Tìm số học sinh nam biết lớp 6A có 36 học sinh?

Bài 10. Tính tỉ số phần trăm (làm tròn đến hàng phần mười) của

a) 12 và 45

b) 2,34 và 9,6

c) $\frac{2}{5}$ và 8

Bài 11. Một vận động viên chạy bộ đã chạy được 4500 m trên cự li 1000 m. Tính tỉ số phần trăm đoạn đường vận động viên đó đã chạy .

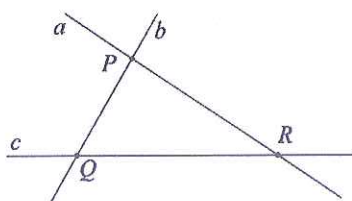
Bài 13. Lớp 6A1 có 40 học sinh. Biết tổng số học sinh giỏi và khá là 35 học sinh, tổng số học sinh trung bình và giỏi là 15 học sinh và lớp 6A1 chỉ có ba xếp loại học lực như trên. Tính tỉ số phần trăm của số học sinh giỏi, khá, trung bình so với số học sinh cả lớp.

Bài 14. Tại một cửa hàng Điện Máy Xanh, một chiếc Ti vi có giá niêm yết là 11500000 đồng. Nhân dịp ngày lễ 1/5, cửa hàng giảm giá nên chiếc ti vi đó còn 8625000 đồng . Hỏi cửa hàng đã giảm giá bao nhiêu phần trăm cho chiếc ti vi đó?

Bài 15. Một người gửi tiết kiệm 20 triệu đồng, tính ra mỗi tháng lãi được 112000 đồng. Hỏi người ấy đã gửi tiết kiệm với lãi suất là bao nhiêu phần trăm một tháng?

HÌNH HỌC

Bài 1. Đọc tên các điểm, đường thẳng, đoạn thẳng trong hình vẽ dưới đây.



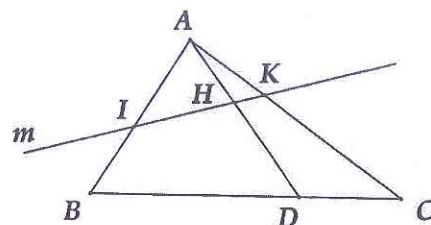
Bài 2. Cho hình vẽ sau:



- a) Đọc tên các cặp tia đối nhau.
b) Đọc tên các cặp tia trùng nhau.

Bài 3. Cho hình vẽ và trả lời các câu hỏi.

- a) Đường thẳng m cắt những đoạn thẳng nào?
b) Đường thẳng m không cắt đoạn thẳng nào?



Bài 4: Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 4\text{cm}$, $OB = 8\text{cm}$.

- a) So sánh độ dài đoạn OA và OB?
b) Tính độ dài đoạn AB?
c) Điểm A có là trung điểm của đoạn OB không? Vì sao?

Nâng cao

Bài 1: Tính :

$$A = \frac{2}{5.7} + \frac{5}{7.12} + \frac{7}{12.19} + \frac{9}{19.28} + \frac{11}{28.39} + \frac{1}{30.40}$$

$$B = \frac{1}{3} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{3^3} + \dots + \frac{1}{3^8}.$$

Bài 2: Cho phân số $B = \frac{2m+3}{m+1}$ ($m \in \mathbb{Z}$)

- a) Với giá trị nào của m thì B nguyên?
b) Chứng minh B là phân số tối giản.

Bài 3: Tính $\frac{A}{B}$, biết rằng:

$$A = \frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{200},$$

$$B = \frac{1}{199} + \frac{2}{198} + \frac{3}{197} + \dots + \frac{198}{2} + \frac{199}{1}.$$

Bài 4: Chứng minh rằng: $\frac{2015}{4034} < \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{2016^2} < \frac{2015}{2016}.$



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Nguyễn Tuyết Hạnh

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: TIN HỌC
KHỐI: 6

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học:

- Bài 9: An toàn thông tin trên internet.
- Bài 10: Sơ đồ tư duy.
- Bài 11: Định dạng văn bản.
- Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng.
- Bài 13: Thực hành: Tìm kiếm và thay thế.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Em hãy nêu những tác hại và nguy cơ khi sử dụng internet.

Câu 2: Em hãy nêu một số quy tắc an toàn khi sử dụng internet.

Câu 3: Em hãy trình bày các bước tạo bảng theo hai cách.

Câu 4: Sử dụng sơ đồ tư duy có lợi ích gì?

Câu 5: Trình bày các bước tạo sơ đồ tư duy.

Câu 6: Nêu tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Trắc nghiệm khách quan: Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Em nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?

- A. Cho bạn bè biết mật khẩu để nếu quên còn hỏi bạn.
- B. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên.
- C. Thay đổi mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết.
- D. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ.

Câu 2: Nếu bạn thân của em muốn mượn tên đăng nhập và mật khẩu tài khoản trên mạng của em để sử dụng trong một thời gian, em sẽ làm gì?

- A. Cho mượn ngay không cần điều kiện gì.
- B. Cho mượn một ngày thôi rồi lấy lại, chắc không có vấn đề gì.
- C. Cho mượn nhưng yêu cầu bạn phải hứa là không được dùng để làm việc gì không đúng.
- D. Không cho mượn, bảo bạn tự tạo một tài khoản riêng, nếu cần em có thể hướng dẫn.

Câu 3: Em nhận được tin nhắn và lời mời kết bạn trên Facebook từ một người mà em không biết. Em sẽ làm gì?

- A. Chấp nhận yêu cầu kết bạn và trả lời tin nhắn ngay.
- B. Không chấp nhận kết bạn và không trả lời tin nhắn.
- C. Nhắn tin hỏi người đó là ai, để xem mình có quen không, nếu quen mới kết bạn.
- D. Vào Facebook của họ đọc thông tin, xem ảnh xem có phải người quen không, nếu phải thì kết bạn, không phải thì thôi.

Câu 4: Lời khuyên nào *sai* khi em muốn bảo vệ máy tính và thông tin trong máy tính của mình?

- A. Luôn nhớ đăng xuất khi sử dụng xong máy tính, thư điện tử.
- B. Đừng bao giờ mở thư điện tử và mở tệp đính kèm thư từ những người không quen biết.
- C. Chẳng cần làm gì vì máy tính đã được cài đặt sẵn các thiết bị bảo vệ từ nhà sản xuất.
- D. Nên cài đặt phần mềm bảo vệ máy tính khỏi virus và thường xuyên cập nhật phần mềm bảo vệ.

Câu 5: Em truy cập mạng để xem tin tức thì ngẫu nhiên xem được một video có hình ảnh bạo lực mà em rất sợ. Em nên làm gì?

- A. Mở video đó và xem.

B. Thông báo cho cha mẹ và thầy cô giáo về điều đó.

C. Đóng video lại và tiếp tục xem tin tức coi như không có chuyện gì.

D. Chia sẻ cho bạn bè để dọa các bạn.

Câu 6: Khi sử dụng lại các thông tin trên mạng cần lưu ý đến vấn đề là:

A. Các từ khóa liên quan đến thông tin cần tìm. B. Bản quyền.

C. Địa chỉ của trang web.

D. Các từ khóa liên quan đến trang web.

Câu 7: Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành:

A. Mở bài, thân bài, kết luận.

B. Tiêu đề, đoạn văn.

C. Chương, bài, mục.

D. Chủ đề chính, chủ đề nhánh.

Câu 8: Sơ đồ tư duy gồm các thành phần:

A. Con người, đồ vật, khung cảnh,...

B. Phần mềm máy tính.

C. Từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, đường nối, màu sắc,...

D. Bút, giấy, mực.

Câu 9: Nhược điểm của việc tạo sơ đồ tư duy theo cách thủ công là gì?

A. Không linh hoạt để có thể làm ở bất cứ đâu, đòi hỏi công cụ khó tìm kiếm.

B. Không dễ dàng trong việc mở rộng, sửa chữa và chia sẻ cho nhiều người.

C. Khó sắp xếp, bố trí nội dung.

D. Hạn chế khả năng sáng tạo.

Câu 10: Phát biểu nào *không phải* là ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính?

A. Có thể chia sẻ được cho nhiều người.

B. Có thể làm ở bất cứ đâu, không cần công cụ hỗ trợ.

C. Có thể sắp xếp, bố trí với không gian mở rộng, dễ dàng sửa chữa, thêm bớt nội dung.

D. Có thể kết hợp và chia sẻ để sử dụng cho các phần mềm máy tính khác.

Câu 11: Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?

A. Căn giữa đoạn văn bản.

B. Chọn chữ màu xanh.

C. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng.

D. Thêm hình ảnh vào văn bản.

Câu 12: Để đặt hướng cho trang văn bản, trên thẻ Page Layout vào nhóm lệnh Page Setup sử dụng lệnh:

A. Orientation.

B. Size.

C. Margins.

D. Columns.

Câu 13: Cách di chuyển con trỏ soạn thảo trong bảng là:

A. Chỉ sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím.

B. Chỉ sử dụng chuột.

C. Sử dụng thanh cuộn ngang, dọc.

D. Có thể sử dụng chuột, phím Tab hoặc các phím mũi tên trên bàn phím.

Câu 14: Để chuẩn bị lên kế hoạch cho buổi dã ngoại của lớp, cô giáo giao cho hai bạn Minh và An thu thập thông tin cho buổi dã ngoại. Theo em, những thông tin nào không nên trình bày dưới dạng bảng?

A. Một đoạn văn mô tả ngắn gọn về địa điểm dã ngoại.

B. Phân công chuẩn bị.

C. Các đồ dùng cần mang theo.

D. Chương trình hoạt động.

Câu 15: Bạn An đang viết về đặc sản cốm Làng Vòng để giới thiệu ẩm thực Hà Nội cho các bạn ở Tuyên Quang. Tuy nhiên, bạn muốn sửa lại văn bản, thay thế tất cả các từ “món ngon” bằng từ “đặc sản”. Bạn sẽ sử dụng lệnh nào trong hộp thoại “Find and Replace”?

A. Replace.

B. Find Next.

C. Replace All.

D. Cancel.



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Phạm Hải Yên

NTCM

Trần Minh Ngọc

I. Phần 1. Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ đầu học kì 2 đến hết tuần 29

2. Một số câu hỏi trọng tâm.

Câu 1. Em hãy nêu cấu tạo, nguyên lí làm việc và thông số kỹ thuật của bóng đèn sợi đốt, bóng đèn huỳnh quang.

Câu 2. Em hãy tìm hiểu nguyên nhân gây ra một số hiện tượng trong quá trình nấu cơm sau.

a) Cơm sau khi nấu bị nhão.

b) Cơm sau khi nấu bị sống.

c) Khi mới bắt đầu cắm điện, nồi cơm phát ra tiếng nổ lách tách.

Câu 3. Nêu các thành phần của nồi cơm điện.

Câu 4. Nêu một số lưu ý khi sử dụng nồi cơm điện; bếp hồng ngoại?

Câu 5. Thông số kỹ thuật và chú ý khi sử dụng của các đồ dùng điện: đèn điện, bếp hồng ngoại, nồi cơm điện.

Phần 2. Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1. Bộ phận sinh nhiệt của nồi cơm điện có tác dụng gì?

A. Liên kết các bộ phận khác của nồi.

B. Điều chỉnh áp suất

C. Bảo vệ nồi.

D. Cung cấp nhiệt cho nồi.

Câu 2. Công dụng của quạt điện treo tường là gì?

A. Chiếu sáng.

B. Làm chín thức ăn.

C. Làm mát.

D. Sưởi ấm.

Câu 3. Vị trí của thân bếp hồng ngoại:

A. Nằm phía dưới mặt bếp.

B. Nằm ở phía dưới mặt bếp và bảng điều khiển

C. Nằm ở phía trên bảng điều khiển.

D. Nằm ở phía dưới bảng điều khiển.

Câu 4. Sử dụng bếp hồng ngoại không được làm việc nào sau đây?

A. Sử dụng chất tẩy rửa phù hợp để lau mặt bếp

B. Có thể chạm tay lên mặt bếp khi vừa nấu xong.

C. Đặt bếp nơi thoáng mát.

D. Sử dụng khăn mềm để lau bề mặt bếp.

Câu 5. Sơ đồ nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại là:

A. Mâm nhiệt hồng ngoại → Nguồn điện → Bảng điều khiển.

B. Mâm nhiệt hồng ngoại → Bảng điều khiển → Nguồn điện.

C. Nguồn điện → Bảng điều khiển → Mâm nhiệt hồng ngoại.

D. Nguồn điện → Mâm nhiệt hồng ngoại → Bảng điều khiển.

Câu 6. Đầu không là đặc điểm của đèn sợi đốt?

A. Tạo ra ánh sáng liên tục.

B. Gần với ánh sáng tự nhiên.

C. Hiệu suất phát quang thấp.

D. Tuổi thọ cao.

Câu 7. Cấu tạo bóng đèn sợi đốt gồm:

A. Bóng thủy tinh, bảng mạch LED, đuôi đèn.

- B. Sợi đốt, bảng mạch LED, đuôi đèn.
- C. Bóng thủy tinh, sợi đốt, đuôi đèn.
- D. Hai điện cực, ống thủy tinh, đuôi đèn.

Câu 8. Gia đình bạn Linh có ba người: Bố, mẹ và Linh. Em hãy giúp bạn Linh lựa chọn một chiếc nồi cơm điện phù hợp nhất với gia đình bạn có dung tích bao nhiêu?

- A. 0,6 lít.
- B. 1,8 – 2 lít.
- C. 1 lít.
- D. 2 – 2,5 lít.

Câu 9. “Cách mặc trang phục có thiết kế đơn giản, đường nét tạo cảm giác khỏe khoắn, mạnh mẽ, thoải mái vận động” được gọi là phong cách:

- A. Lãng mạn.
- B. Dân gian
- C. Cổ điển.
- D. Thể thao.

Câu 10. Loại đèn điện nào sau đây tiết kiệm điện năng nhất?

- A. Đèn Led
- B. Đèn huỳnh quang.
- C. Đèn sợi đốt.
- D. Đèn compact.

Câu 11. Chức năng của thân nồi là:

- A. Cung cấp nhiệt cho nồi.
- B. Bao kín và giữ nhiệt.
- C. Bao kín, giữ nhiệt và liên kết các bộ phận khác của nồi.
- D. Dùng để bật, tắt, chọn chế độ nấu.

Câu 12. Đèn compact có nguyên lí làm việc giống đèn nào?

- A. Đèn Led.
- B. Đèn Led và đèn sợi đốt.
- C. Đèn sợi đốt.
- D. Đèn huỳnh quang.

Câu 13. Bếp hồng ngoại gồm các bộ phận chính nào?

- A. Mặt bếp, bảng điều khiển, nồi nấu, thân nồi.
- B. Bảng điều khiển, thân bếp, bộ phận sinh nhiệt, thân nồi.
- C. Mặt bếp, bảng điều khiển, mâm nhiệt hồng ngoại, thân bếp.
- D. Nồi nấu, thân nồi, nắp nồi, bảng điều khiển

Câu 14. Đơn vị của công suất định mức ký hiệu là:

- A. W
- B. A
- C. KV
- D. V

Câu 15. Phong cách thể thao được sử dụng cho:

- A. Các sự kiện có tính chất trang trọng.
- B. Các sự kiện đậm nét văn hóa dân tộc.
- C. Thường sử dụng cho phụ nữ.
- D. Nhiều đối tượng và lứa tuổi khác nhau.

 **BCH duyệt**
Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Dương Thị Tươi

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập:

1. Các đơn vị kiến thức: Từ tuần 19 đến tuần 28

2. Các câu hỏi trọng tâm :

Phần Lịch sử:

Câu 1: Trình bày các cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và Bà Triệu?

Câu 2: Trình bày cuộc khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân?

Phần địa lí:

Câu 1. Trình bày đặc điểm các nhân tố hình thành đất?

Câu 2. Trình bày đặc điểm của rừng nhiệt đới?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa : Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

*** Phần Lịch sử**

Câu 1. Mùa xuân năm 40 đã diễn ra sự kiện quan trọng gì trong lịch sử Việt Nam?

A. Hai Bà Trưng kháng chiến chống quân Hán xâm lược.

B. Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa.

C. Bà Triệu dựng cờ khởi nghĩa.

D. Lý Bí dựng cờ khởi nghĩa.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ vào mùa xuân năm 40 không xuất phát từ nguyên nhân sâu xa nào sau đây?

A. Chế độ cai trị hà khắc của nhà Hán.

B. Thi Sách (chồng Trưng Trắc) bị Tô Định giết.

C. Đời sống nhân dân lầm than.

D. Tô Định tham lam, tàn bạo, bóc lột.

Câu 3. Nội dung nào không phải ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

A. Củng cố vững mạnh chính quyền tự chủ của nhân dân ta.

B. Mở đầu thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ lâu dài, bền bỉ của người Việt.

C. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí anh hùng của phụ nữ Việt Nam.

D. Là cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên trong thời kì Bắc thuộc.

Câu 4. Nhân vật lịch sử nào được mệnh danh là "Bố Cái đại vương"?

A. Phùng An.

B. Mai Thúc Loan.

C. Phùng Hưng.

D. Lý Bí.

Câu 5. Nhân dân ta lập đền thờ Hai Bà Trưng thể hiện điều gì?

A. Khẳng định tinh thần đoàn kết, yêu nước của nhân dân ta.

B. Nhân dân kính trọng và ghi nhớ công lao của Hai Bà Trưng.

C. Thể hiện sự phát triển của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

D. Thể hiện vai trò của người phụ nữ trong lịch sử dân tộc.

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu bùng nổ (năm 248) xuất phát từ nguyên nhân sâu xa nào?

A. Bà Triệu là người có sức khỏe, có mưu lớn.

B. Bà Triệu là người giàu mưu trí.

C. Nhiều nghĩa sĩ đã cùng bà chuẩn bị khởi nghĩa.

D. Chính sách áp bức, bóc lột của thế lực phong kiến phương Bắc.

Câu 7. Nội dung nào sau đây không đúng khi nhận xét về cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu?

- A. Thất bại do chưa có sự chuẩn bị từ trước.
- B. Có quy mô thuộc toàn thể Giao Châu.
- C. Có sự tham gia của đông đảo quần chúng.
- D. Người lãnh đạo thuộc tầng lớp trên của xã hội.

Câu 8. Sau khi cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi, Lý Bí đã có hành động gì?

- A. Lên ngôi hoàng đế, đặt tên nước là Vạn Xuân.
- B. Dời đô về vùng cửa sông Tô Lịch.
- C. Truyền ngôi cho Lý Phật Tử.
- D. Trao quyền cho Triệu Quang Phục.

Câu 9. Khi không chống đỡ nổi cuộc đàn áp của nhà Lương vào năm 545, Lý Nam Đế đã có chủ trương gì?

- A. Đầu hàng nhà Lương.
- B. Chủ động giảng hòa để bảo toàn lực lượng.
- C. Chủ động rút lui, trao quyền lãnh đạo cho Triệu Quang Phục.
- D. Tự sát.

Câu 10. Nguyên nhân chính nào dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lý Bí?

- A. Nhân dân hoang mang, lo sợ trước chính sách cai trị của phương Bắc.
- B. Nhân dân oán giận chế độ bóc lột hà khắc của nhà Lương.
- C. Phong kiến phương Bắc đã hoàn thiện các chính sách đồng hóa.
- D. Nhân dân đã giành được nhiều thắng lợi vang dội trong cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc.

Câu 11. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lý Bí?

- A. Sự ủng hộ của nhân dân.
- B. Nhà Lương suy yếu.
- C. Tinh thần chiến đấu quả cảm của nghĩa quân.
- D. Sự lãnh đạo tài tình của Lý Bí.

Câu 12. Nhận xét nào không phản ánh đúng về cuộc đấu tranh của nhân dân ta do Lý Bí lãnh đạo?

- A. Diễn ra qua hai giai đoạn: khởi nghĩa và kháng chiến.
- B. Đánh đổ chính quyền đô hộ, lập ra nhà nước của người Việt.
- C. Nhà Đường buộc phải công nhận nền độc lập của nước ta.
- D. Để lại những bài học quý báu về tinh thần kháng chiến kiên trì, cách đánh du kích sáng tạo.

Câu 13. Điểm giống nhau giữa cuộc đấu tranh của Hai Bà Trưng và Lý Bí là gì?

- A. Diễn ra qua hai giai đoạn: khởi nghĩa và kháng chiến.
- B. Chống ách đô hộ của nhà Hán.
- C. Chống ách đô hộ của nhà Lương.
- D. đều giành thắng lợi, chấm dứt ách thống trị của phong kiến phương Bắc.

Câu 14. Tại sao Mai Thúc Loan lại kêu gọi nhân dân đứng lên khởi nghĩa chống lại ách thống trị của nhà Đường?

- A. Nhà Đường bắt nhân ta phải gánh vãi trong điều kiện khó khăn.

- B. Do chính sách cai trị hà khắc và thuế khóa, lao dịch nặng nề của nhà Đường.
- C. Mai Thúc Loan được nhân dân khắp nơi biết đến.
- D. Nhà Đường ngày càng suy yếu, đứng trước nguy cơ sụp đổ.

Câu 15. Nguyên nhân chung dẫn đến sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan và Phùng Hưng là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa nhân dân và chính quyền đô hộ.
- B. Do nhà Đường bắt nhân dân cống nạp vải.
- C. Tranh thủ cơ hội nhà Đường suy yếu.
- D. Tranh thủ cơ hội nhà Lương suy yếu.

*** Phần Địa lí:**

Câu 1. Một trong những biểu hiện của biến đổi khí hậu là

- A. quy mô kinh tế thế giới tăng.
- B. dân số thế giới tăng nhanh.
- C. thiên tai bất thường, đột ngột.
- D. thực vật đột biến gen tăng.

Câu 2. Sông có nguồn cấp nước chủ yếu từ tuyết tan có mùa lũ vào thời điểm nào?

- A. Giữa mùa đông.
- B. Cuối mùa hạ.
- C. Giữa mùa thu.
- D. Đầu mùa xuân.

Câu 3. Nhiệt độ nước biển từ vùng nhiệt đới tới vùng ôn đới thay đổi thế nào?

- A. Ổn định.
- B. Biến động.
- C. Tăng dần.
- D. Giảm dần.

Câu 4. Nước biển và đại dương có vị mặn vì

- A. hoạt động sống của các loài sinh vật đại dương tiết ra.
- B. các trận động đất, núi lửa ngầm dưới đáy biển, đại dương.
- C. nước sông hoà tan muối từ đất, đá của lục địa đổ ra biển.
- D. các hoạt động vận động kiến tạo dưới biển và đại dương.

Câu 5. Thực vật nào dưới đây không thuộc đới nóng?

- A. Rừng nhiệt đới gió mùa
- B. Đài nguyên.
- C. Rừng mưa nhiệt đới.
- D. Xa van.

Câu 6. Nhóm đất điển hình chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta là

- A. Đất pốt đôn, đất đài nguyên.
- B. Đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm, đất đen.
- C. Đất đỏ, đất nâu đỏ xavan.
- D. Đất đỏ vàng nhiệt đới.

Câu 7. Chim cánh cụt là động vật điển hình của đới

- A. ôn hòa
- B. nhiệt đới
- C. lạnh
- D. cận nhiệt

Câu 8. Rừng nhiệt đới gió mùa không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Rừng thường có 3-4 tầng cây.
- B. Phân bố ở gần vòng cực
- C. Cây đặc trưng là họ vang, đậu.
- D. Các loài động vật phong phú.

Câu 9. Hai quốc gia đông dân nhất thế giới là

- A. Trung Quốc và Ấn Độ.
- B. Hoa Kỳ và Ấn Độ.
- C. Hoa Kỳ và Liên bang Nga.
- D. Trung Quốc và Liên bang Nga.

Câu 10. Nguồn cung cấp hơi nước chủ yếu cho vòng tuần hoàn của nước là

- A. băng, tuyết.
- B. nước ngầm.
- C. sông, hồ.
- D. biển và đại dương.

Câu 11. Phần Biển Đông của Việt Nam thuộc đại dương nào sau đây?

- A. Ấn Độ Dương.
- B. Nam Đại Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Thái Bình Dương.

Câu 12. Ở nước ta, kiểu rừng khộp phân bố chủ yếu ở vùng

A. Tây Nguyên. B. Cúc Phương, Ba Bể C. Việt Bắc. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 13. Thiên nhiên ở đới ôn hòa thay đổi theo

A. mùa B. độ cao C. địa hình. D. lượng mưa

Câu 14. Châu lục nào tập trung đông dân cư nhất trên thế giới?

A. Châu Âu B. châu Phi C. Châu Á D. châu Đại Dương

Câu 15. Hoạt động nào dưới đây của con người làm suy giảm tài nguyên đất?

A. Trồng trọt luân canh, xen canh. B. Sử dụng phân bón hóa học.
C. Đào mương thoát nước. D. Áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt.



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Nguyễn Thị Thảo

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức đã học trong học kì II

a. Văn bản:

- Đọc lại các văn bản truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, văn bản nghị luận đã học, nắm được đặc trưng của từng thể loại: truyện truyền thuyết, truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo), nghị luận (luận điểm, luận cứ, lập luận...)
- Phân biệt truyện truyền thuyết, truyện cổ tích.
- Cảm thụ các chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong các câu chuyện cổ.
- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được nội dung chính của một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

b. Tiếng Việt:

- Công dụng của dấu câu đã học
- Nghĩa của từ, từ đơn, từ láy, từ ghép, cụm từ...
- Các biện pháp tu từ đã học
- Trạng ngữ, tác dụng của trạng ngữ.

c. Viết:

- Viết bài văn thuyết minh về một sự kiện văn hóa.
- Viết bài văn kể một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích.
- Nhập vai nhân vật trong truyện cổ tích kể lại truyện.

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1. Thế nào là truyện truyền thuyết? Truyện cổ tích? Nêu đặc điểm của truyện truyền thuyết, truyện cổ tích?

Câu 2. Phân biệt truyện truyền thuyết và truyện cổ tích?

Câu 3. Nêu khái niệm, tác dụng của dấu chấm phẩy, biện pháp tu từ điệp ngữ...?

Câu 4: Nêu khái niệm, các yếu tố cơ bản của văn bản nghị luận?

Câu 5: Phân biệt văn bản và đoạn văn?

Câu 6: Tìm trạng ngữ trong đoạn trích sau và nêu tác dụng của những trạng ngữ đó:

Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt? Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo mười phần vẹn mười.

Câu 7: Điền trạng ngữ thích hợp vào những chỗ trống sau :

- ... trời mưa tầm tã,... trời lại nắng chang chang.
- ... cây cối đâm chồi nảy lộc:
- ... tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.
- ... họ chạy về phía có đám cháy.

đ) ... em làm sai mất bài toán cuối.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

1. Dạng 1: Đọc - Hiểu

Bài tập 1: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi: THỜI GIAN LÀ VÀNG

(1) Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. (2) Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. (3) Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Thuyết minh B. Nghị luận C. Tự sự D. Biểu cảm

Câu 2: Câu chủ đề của đoạn 1 trong văn bản trên là:

- A. câu thứ nhất B. câu thứ hai
C. câu thứ ba D. không có câu chủ đề

Câu 3: Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

- A. Bàn về giá trị của sức khỏe. B. Bàn về giá trị của thời gian.
C. Bàn về giá trị của tri thức. D. Bàn về giá trị tinh thần

Câu 4: Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. Nhân hóa. B. So sánh C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

Câu 5: Trong các từ sau, từ nào là từ Hán Việt?

- A. sự sống C. tri thức
B. người bệnh D. đúng lúc

Câu 6: Trong câu “Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại”, có cụm danh từ là:

- A. biết nắm thời cơ. B. các anh bộ đội
C. đánh địch đúng lúc D. mất thời cơ

Câu 7: Tác dụng của phép điệp ngữ “thời gian” trong văn bản trên là:

- A. nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
B. nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
C. nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian
D. nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

Câu 8: Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

- A. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.
B. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm.
C. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.
D. Tri thức là những kiến thức, thông tin có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

Câu 9: Theo em, tại sao tác giả cho rằng: “Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được”?

Câu 10: Em rút ra được bài học gì từ văn bản trên?(trình bày thành một đoạn văn 3 – 5 câu)

2. Dạng 2: Viết

Đề 1: Em hãy đóng vai một nhân vật trong một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà em yêu thích để kể lại câu chuyện đó.

Đề 2: Em hãy viết một bài văn trình bày ý kiến về hiện tượng nghiện mạng xã hội hoặc game trong học sinh hiện nay.

*** Lưu ý:**

- HS làm đề cương ôn tập đầy đủ. PH đôn đốc và kiểm tra con hoàn thành tốt các ND trong đề cương.

- GV kiểm tra việc làm đề cương của HS thường xuyên. Tổ chức ôn tập, chữa bài, chú ý khắc sâu kiến thức về đặc trưng các thể loại văn học dân gian, các đơn vị KT tiếng Việt, kĩ năng làm các dạng BT của HS.



BGH DUYỆT

Ngô Thị Bích Liên

TỔ TRƯỞNG

Lưu Hoàng Trang

NHÓM TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bình

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 29

- Công dân nước CHXHCN Việt Nam
- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- Quyền cơ bản của trẻ em

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là quyền công dân? Là học sinh em phải thực hiện các nhiệm vụ cơ bản nào của công dân? Em đã làm gì để thực hiện đúng nghĩa vụ đó?

Câu 2: Trình bày hiểu biết của em về quyền trẻ em?

Câu 3: Trẻ em có bốn phận và trách nhiệm như thế nào? Em hãy tự nhận xét xem bản thân đã thực hiện tốt bốn phận của mình đối với cha mẹ và thầy giáo, cô giáo chưa. Những điều gì em đã thực hiện tốt và còn những điều gì chưa tốt? Hãy tự đặt kế hoạch rèn luyện nhằm khắc phục những điều chưa tốt đó.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân có nghĩa là không ai được hoặc tự ý mở thư tín, điện tín của người khác, không được nghe trộm điện thoại.

- A. chiếm đoạt. B. đánh cắp. C. cướp giật. D. cầm lấy

Câu 2: Đến nay, Công ước về quyền trẻ em có bao nhiêu thành viên?

- A. 194. B. 195. C. 196. D. 197.

Câu 3: Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường được nêu tại điều nào trong Hiến pháp năm 2013?

- A. Điều 40. B. Điều 41. C. Điều 42. D. Điều 43.

Câu 4: Mọi công dân đều có quyền học không hạn chế, học bất cứ ngành nghề nào, nội dung này thể hiện quyền nào dưới đây?

- A. Quyền học tập. B. Quyền sáng tạo.
C. Quyền được phát triển. D. Quyền tác giả.

Câu 5 : Công ước liên hợp quốc ra đời vào năm nào?

- A. Năm 1999. B. Năm 1989. C. Năm 1990. D. Năm 1898.

II. Bài tập

Câu 1. Cho tình huống sau:

Giờ ra chơi, Quân và các bạn ra sân trường đá cầu. Trong lúc đỡ cầu, Quân vô tình giẫm phải chân của Hưng. Mặc dù Quân đã xin lỗi nhưng Hưng vẫn tỏ ra khó chịu và mắng chửi Quân bằng những lời lẽ rất khó nghe, thậm chí Hưng còn đe dọa Quân.

a/ Em có suy nghĩ gì về việc làm của bạn Hưng?

b/ Nếu là Quân em sẽ làm gì?

Câu 2. Cho tình huống sau:

Trường Lan tổ chức học sinh tham quan khu di tích lịch sử. Tuy nhiên bố Lan không muốn cho Lan đi vì địa điểm tham quan ở xa. Lan rất buồn và không biết phải làm thế gì để bố đồng ý cho mình đi.

a/ Theo em, bố bạn Lan làm vậy có đúng không? Vì sao?

b/ Nếu là Lan em sẽ làm gì để bố đồng ý cho mình đi tham quan cùng các bạn?

Câu 2. Cho tình huống sau:

Tùng là con trai duy nhất trong một gia đình giàu có. Do mãi chơi nên Tùng học kém, 12 tuổi mới hoàn thành chương trình Tiểu học. Không muốn tiếp tục học, Tùng ở nhà rong chơi. Bạn bè hỏi: "Sao bạn không đi học?" Tùng trả lời: "Học để làm gì! Tài sản của bố mẹ đủ để tớ sống thoải mái cả đời".

a/ Em có nhận xét gì về suy nghĩ của Tùng?

b/ Theo em, Tùng cần làm gì để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập của học sinh?



BGH

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Phùng Thị Vui

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: TIẾNG ANH
KHỐI: 6

PART I: KNOWLEDGE

Vocabulary, Pronunciation and Grammar from Unit 7 to Unit 11

1. Vocabulary:

Words/ Phrases related to the topics in Units 7,8,9,10,11

2. Grammar:

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------------|
| - Wh- question words | - Possessive pronouns |
| - Conjunctions : <i>and, but, so</i> | - Future simple |
| - Past simple tense | - <i>Might</i> for possibility |
| - Imperatives | - Articles |
| - Possessive adjectives | - First conditional |

3. Phonetics:

- Pronunciation: /θ/ - /ð/, /e/ - /æ/, /əʊ/ - /aʊ/ and other sounds
- Word stress: two or three - syllable words from Unit 7 to Unit 11

4. Everyday English:

- Asking for and giving information about TV programmes
- Expressing and responding to congratulations
- Expressing exclamations with *What*
- Expressing surprise

PART II: EXERCISES

A. MULTIPLE CHOICE

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation

- | | | | |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1. A. <u>sh</u> oulder | B. ab <u>o</u> ut | C. m <u>o</u> untain | D. <u>h</u> ouse |
| 2. A. <u>ch</u> aracter | B. b <u>a</u> dminton | C. loc <u>a</u> tion | D. fant <u>a</u> stic |
| 3. A. <u>Th</u> ursday | B. cl <u>o</u> thes | C. b <u>a</u> throom | D. <u>th</u> eatre |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in the position of primary stress

- | | | | |
|----------------|-------------|---------------|------------|
| 4. A. electric | B. computer | C. dishwasher | D. recycle |
| 5. A. wireless | B. machine | C. cartoon | D. reduce |
| 6. A. receive | B. goggles | C. plastic | D. rubbish |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following sentences

7. Automatic dishwasher, modern fridge and wireless TV are _____ in the house.
A. household B. appliances C. electricity D. surroundings
8. My father _____ as a television news editor from 2018 to 2021.
A. works B. worked C. is working D. will work
9. _____ can I buy a reusable shopping bag?
A. What B. How many C. Which D. Where
10. Oh no, these are _____ pencils. _____ are over there!
A. mine/ You B. my/ Your C. my/ Yours D. mine/ Yours

11. She wants to watch the sport programme, _____ she must go to school now.
A. and B. or C. so D. but
12. If the weather _____ good, Linh _____ out with us.
A. is – goes B. will be – goes C. is – will go D. will be – will go
13. Jenny thinks robot might _____ us look after children..
A. to help B. help C. helping D. to helping
14. Almost 27,000 trees are cut _____ every day just to make toilet paper!
A. off B. down C. up D. in
15. Walking to school will help reduce air _____.
A. polluted B. pollution C. pollute D. pollutant
16. There is _____ interesting programme on VTV3 tonight. I hope you'll enjoy _____ programme .
A. an/ the B. an / a C. the/ a D. the/ the

Circle the letter A,B,C or D to indicate the most suitable response to each of the following exchanges.

17. Lily is talking to Nam at a sports event.

- Lily: You know what? They say that Vietnam will host The Olympics in 2034.

- Nam: _____

- A. I don't know. B. Oh my God. That's unbelievable!
C. That's a great idea! D. I don't think so.

18. Jack is showing Martin a photo.

- Jack : " Look at the photo. This is Big Ben Tower, a landmark in London."

- Martin: " _____ "

- A. What a nice photo! B. Congratulations!
C. How nice city it is ! D. What's your favourite landmark ?

Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 19 to 22

🔊 City Tour Announcement 🔊

Welcome to our city tour! This tour is a great way to learn about famous places in the city. It is (19) _____ and very interesting. You will see beautiful buildings, old streets, and big parks. Please arrive at the meeting point at 8:00 a.m. Bring (20) _____ hat and sunglasses if it is sunny. During the tour, please (21) _____ to the guide carefully. They will tell you fun facts about the city. The tour (22) _____ about three hours. Enjoy your trip!

19. A. more safer B. safer C. more safe D. safe
20. A. a B. an C. some D. a little
21. A. study B. listen C. watch D. play
22. A. takes B. taking C. take D. took

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

23. Put the sentences (a-b-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Playing sports is good for my health and brings a lot of fun. _____

- a. I like playing football because it makes me strong and helps me make new friends.
b. After school, I often play football with my classmates in the schoolyard.
c. Sports also help me feel happy and ready to study better.

- A. a-b-c B. a - c - b C. c - a - b D. b - a - c

24. Choose the sentence that can end the text (in Question 23) most appropriately.

- A. Playing sports is not important.
- B. In short, playing sports is a great way to stay healthy and happy.
- C. People should stop playing sports and study more.
- D. Sports are fun for professional athletes.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

Three ways everyone can make the Earth become a (25) _____ place is to reduce, reuse, and recycle!

When people reduce, it means they are using less of something. Turning (26) _____ the tap when we brush our teeth is (27) _____ to reduce. This small action is very useful (28) _____ it helps us save a lot of water.

Another small action people (29) _____ to reuse things we already have. Taking used bags to the store when we shop for food is one way to reuse them.

(30) _____ is when new materials are created from old ones. Things like newspapers, soda cans, and plastic bags can all be turned into new things if we take the time to recycle them!

- | | | | |
|---------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 25. A. greenest | B. greener | C. less green | D. more green |
| 26. A. off | B. on | C. in | D. about |
| 27. A. a way simple | B. a simple way | C. way a simple | D. simple a way |
| 28. A. so | B. but | C. because | D. although |
| 29. A. take can is | B. can is take | C. is can take | D. can take is |
| 30. A. Reducing | B. Recycling | C. Reusing | D. Reacting |

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

31. *Stop talking or you won't understand the lesson.*

- A. If you don't stop talking, you won't understand the lesson.
- B. If you stop talking, you won't understand the lesson.
- C. If you don't stop talking, you will understand the lesson.
- D. If you didn't stop talking, you would not understand the lesson.

32. *This is my new robot, but that one over there is his.*

- A. That's his new robot over there, but this is mine.
- B. That's his new robot over there, but this is yours.
- C. That's his new robot over there, but this is his .
- D. That's his new robot over there, but this is its.

33. *The apple tree is so beautiful and colorful!*

- | | |
|---|---|
| A. What apple trees beautiful and colorful! | B. What beautiful and colorful apple trees! |
| C. What beautiful apple trees and colorful! | D. What colorful apple trees and beautiful! |

34. *You shouldn't spend a lot of time watching TV.*

- | | |
|---|--|
| A. Don't spending a lot of time watching TV | B. Don't spend a lot of time watching TV |
| C. Don't spends a lot of time watching TV | D. Don't spend a lot of time watch TV |

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

35. *David/ might/ not/ come/ party/.*

- | | |
|--|---------------------------------------|
| A. David might not to come to the party. | B. David might not come to an party. |
| C. David might not to come a party. | D. David might not come to the party. |

36. *your /team/ win / ball game/ last/ summer/ ?*

- A. Does your team win the ball game last summer ?

- B. Did your team win the ball game last summer ?
 C. Your team won the ball game last summer ?
 D. Did your team won the ball game last summer ?

37. *If/ you/ not hurry,/ you/ miss/ the bus.*

- A. If you do not hurry, you will miss the bus. B. If you will not hurry, you miss the bus.
 C. If you do not hurry, you miss the bus. D. If you not hurry, you will miss the bus.

38. *My/ future/ house/ be/ mountain.*

- A. My future house will be in the mountains. B. My future house is in the mountains.
 C. My future house will be on mountains. D. My future house will in the mountains.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

39. What does the notice say??

*Just a quick note to say thank you for a great meal last night.
 Next time, you'll have to come over to my place!
 Annie*

- A . Annie went to a restaurant last night. B. Annie cooked a great meal last night.
 C. Annie invited her friend to her house last night. D. Annie went to her friend's house last night.
 40. What does the sign say?



- A. You can play any kind of balls here.
 B. You cannot play basketball here.
 C. Never play balls again.
 D. You cannot find any kind of balls here except for handballs.

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions

Television is an **important** invention of the 20th century. It has been so popular that we can't imagine what life would be like if there were no television. Television is a major means of communication and entertainment. It brings pictures and sound from around the world into millions of homes. Through television, viewers can see and learn about people, places and things in **distant** lands. Television widens our knowledge by introducing new ideas which may lead us to new hobbies and recreations. In addition to the news, television provides us with a variety of programs that can satisfy every taste. Most people now seem to like spending their evenings watching television than to go out.

41. What is the main idea of the passage?

- A. Most people like watching TV than going out.
 B. People have more new hobbies and recreations.
 C. Every one can be satisfied every taste.
 D. The importance of television.
 E.

42. What is ONE way television benefits viewers?

- A. It only entertains people without providing knowledge.
 B. It helps people learn about distant places and new ideas.
 C. It makes people go out more often
 D. It has no impact on people's lives.

43. The word “**important**” is CLOSEST in meaning to _____.
 A. Interesting B. entertaining C. essential D. educational
44. Which of the followings is NOT TRUE according to the passage?
 A. Television is an important means of communication.
 B. Television provides us with a variety of programs.
 C. Most people don't like watching TV in the evening.
 D. People can learn many things through TV.
45. The word “**distant**” is OPPOSITE in meaning to _____.
 A. Remote B. far C. near D. rural
46. Which of the followings is NOT one of benefits of television?
 A. Entertainment B. communication C. Going out D. Education

Four phrases/sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

- A. it might be really lovely
 B. I might not even cook, I will buy canned food from the supermarket
 C. but I love living in a small one on a farm
 D. In the living room, there will be a reading table, a sofa, and a computer

My dream house will be a comfortable cottage. Many people like a big house, (47)_____. I might enjoy fresh air and peaceful view.

In my future house, there will be a living room, two bedrooms, two bathrooms and large windows that will let in a lot of natural light. (48)_____. The reading table will become a dining table in the evening, and the sofa will turn into a bed at night. (49)_____.

I love flowers, so I will plant many kinds of flowers around the house. I think (50)_____. I will take a lot of photos of flowers every day.

Question 47.____ Question 48.____ Question 49.____ Question 50.____

C. SPEAKING

- Talking about your favourite TV programme(s).
- Talking about a sport/game you like.
- Talking about your dream house in the future.



BGH
 Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Ánh Hồng

Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ Anh – Năng Khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II – GIÁO DỤC THỂ CHẤT
NĂM HỌC 2024 – 2025
KHỐI 6

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung : Ném bóng

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện đúng 4 giai đoạn kỹ thuật ném bóng và đạt thành tích cao

III. Hình thức kiểm tra

- Trực tiếp tại nhà thể chất hoặc sân trường



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đinh Lý Huỳnh

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Ôn tập 3 bài hát:

- *Mưa rơi*
- *Chỉ có một trên đời*
- *Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng*

2. Lí thuyết âm nhạc:

- Cung và nửa cung
- Dấu hoa, bậc chuyển hóa

3. Tập đọc nhạc:

- TĐN số 3,4,5.

II. KĨ NĂNG – KĨ THUẬT CẦN ĐẠT

- Thực hiện đúng các yêu cầu của bài: hát đúng kĩ thuật, thuộc lời, TĐN đúng cao độ, trường độ, gõ đúng tiết tấu, nhịp phách
- Nắm vững các kiến thức về nhạc lí để sử dụng cho bài hát và bài TĐN

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thực hành: Tại phòng học của các lớp
- Kiểm tra theo nhóm hoặc từng học sinh

BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhàn



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2024 - 2025

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA
CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGHỆ THUẬT (MĨ THUẬT) 6

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

- Kiến thức về cách vẽ tranh theo đề tài.
- Kiến thức về cách sắp xếp bố cục trong sản phẩm mỹ thuật.
- Kiến thức về tạo một sản phẩm với vật liệu tái chế.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

- Em hãy tạo sản phẩm mô hình một ngôi nhà em yêu thích. Chất liệu tự chọn.
- Em hãy vẽ một bức tranh đề tài: Đô thị tương lai trong mắt em. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu tự chọn.
- Em hãy thiết kế một bộ trang phục em yêu thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu màu tự chọn.

Ban Giám Hiệu

TTCM

Nhóm trưởng



Ngô Thị Bích Liên

Nguyễn.T. Quỳnh Diệp

Vũ Thị Hương Giang

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2024-2025

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - KHỐI 6

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 29

2. Một số nội dung trọng tâm:

- Đặc điểm chung, sự đa dạng của Nấm. Vai trò của Nấm trong tự nhiên và trong đời sống. Kể tên một số bệnh do nấm gây ra và biện pháp phòng tránh.
- Đặc điểm của các ngành thực vật: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín. Vai trò của thực vật đối với tự nhiên và đời sống con người.
- Đặc điểm của các nhóm động vật. Vai trò của động vật với tự nhiên và với con người.
- Vai trò của đa dạng sinh học. Nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả.
- Lực là gì? Nêu tác dụng của lực? Nêu ví dụ về lực tiếp xúc và không tiếp xúc?
- Nêu các đặc trưng của lực? Trình bày cách biểu diễn lực?
- Trình bày hiện tượng biến dạng của lò xo? Đặc điểm biến dạng của lò xo?
- Trình bày về lực hút trái đất, Mối liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng? Lực hấp dẫn?
- Trình bày về lực ma sát? Vai trò của lực ma sát trong đời sống?
- Lực cản của nước phụ thuộc những yếu tố nào?

II. Phần 2. Bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn:

Câu 1: Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Nấm là sinh vật đơn bào hoặc đa bào nhân thực
- B. Nấm hương, nấm mốc là đại diện thuộc nhóm nấm túi
- C. Chỉ có thể quan sát nấm dưới kính hiển vi
- D. Tất cả các loài nấm đều có lợi cho con người

Câu 2: Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO_2
- B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO_2 và O_2
- C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O_2
- D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO_2

Câu 3: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về rêu?

- A. Cấu tạo đơn bào.
- B. Chưa có rễ chính thức.
- C. Không có khả năng hút nước.
- D. Thân đã có mạch dẫn.

Câu 4: Động vật có xương sống bao gồm:

- A. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú
- B. Cá, chân khớp, bò sát, chim, thú
- C. Cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú
- D. Thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú

Câu 5: Ví dụ nào dưới đây nói về vai trò của động vật với tự nhiên?

- A. Động vật cung cấp nguyên liệu phục vụ cho đời sống
- B. Động vật có thể sử dụng để làm đồ mỹ nghệ, đồ trang sức
- C. Động vật giúp con người bảo vệ mùa màng
- D. Động vật giúp thụ phấn và phát tán hạt cây

Câu 6: Biện pháp nào sau đây **không phải** là bảo vệ đa dạng sinh học?

- A. Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.
- B. Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.
- C. Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.
- D. Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.

Câu 7: Cho các vai trò sau:

- (1) Đảm bảo sự phát triển bền vững của con người
- (2) Là nguồn cung cấp tài nguyên vô cùng, vô tận
- (3) Phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí của con người
- (4) Giúp con người thích nghi với biến đổi khí hậu
- (5) Liên tục hình thành thêm nhiều loài mới phục vụ cho nhu cầu của con người

Những vai trò nào là vai trò của đa dạng sinh học đối với con người?

- A. (1), (2), (3) B. (2), (3), (5)
- C. (1), (3), (4) D. (2), (4), (5)

Câu 8: Đa dạng sinh học không biểu thị ở tiêu chí nào sau đây?

- A. Đa dạng nguồn gen. B. Đa dạng hệ sinh thái.
- C. Đa dạng loài. D. Đa dạng môi trường.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

- A. Lực chỉ có tác dụng làm vật biến đổi chuyển động.
- B. Tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác gọi là lực.
- C. Lực được phân thành: lực không tiếp xúc và lực tiếp xúc.
- D. Lực có thể vừa làm cho vật biến dạng vừa làm cho vật biến đổi chuyển động.

Câu 10: Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện không phải là lực ma sát?

- A. Xe đạp đi trên đường
- B. Đế giày lâu ngày đi bị mòn
- C. Lò xo bị nén
- D. Người công nhân đẩy thùng hàng mà nó không xô dịch chút nào

Câu 11: Dụng cụ dùng để đo độ lớn của lực là?

- A. Lực kế B. Tốc kế C. Nhiệt kế D. Cân

Câu 12: Biến dạng của vật nào dưới đây là biến dạng đàn hồi?

- A. Quả bóng đá bay đập vào tường nảy lại.
- B. Tờ giấy bị kéo cắt đôi.
- C. Viên phấn rơi từ trên cao xuống vỡ thành nhiều mảnh.
- D. Cái lò xo bị kéo dãn không về được hình dạng ban đầu.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây là phát biểu **không** đúng về đặc điểm của lực hấp dẫn?

- A. Lực hút của Trái Đất có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới.

- B. Điểm đặt của trọng lực là trọng tâm của vật.
 C. Trọng lượng tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật.
 D. Trọng lực là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

Câu 14: Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xảy ra do trọng lực tác dụng lên vật?

- A. Người công nhân đang đẩy thùng hàng. B. Cành cây đung đưa trước gió.
 C. Quả dừa rơi từ trên cây xuống. D. Em bé đang đi xe đạp.

Câu 15: Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của nước?

- A. Quả dừa rơi từ trên cây xuống. B. Bạn Lan đang tập bơi.
 C. Bạn Hoa đi xe đạp tới trường. D. Chiếc máy bay đang bay trên bầu trời.

2. Tự luận

Câu 1.

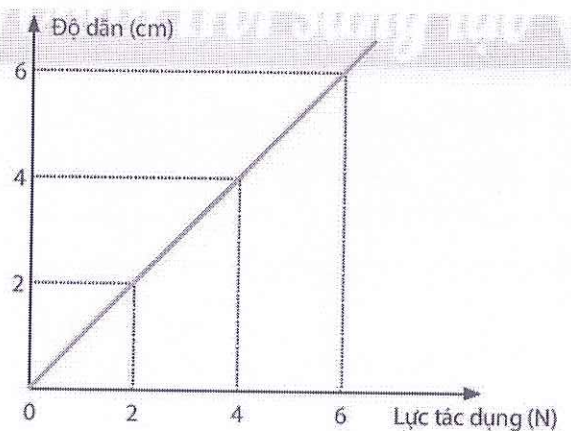
- a. Nêu vai trò của động vật với tự nhiên và con người? Lấy ví dụ minh họa?
 b. Em hãy nêu nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và các biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học trên trái đất?

Câu 2. Biểu diễn các lực sau khi tác dụng vào vật với tỉ xích 1 cm ứng với 2N.

- a) Lực F_1 có phương ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 6 N.
 b) Lực F_2 có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống, độ lớn 8 N.
 c) Lực F_3 có phương hợp với phương ngang một góc 45° , chiều từ trái sang phải, hướng lên trên, độ lớn 10 N.

Câu 3. Chiều dài tự nhiên của lò xo là 20 cm. Biết rằng độ dãn của lò xo phụ thuộc vào lực tác dụng được biểu diễn bằng đồ thị dưới đây. Hãy tính độ dài của lò xo khi chịu tác dụng của các lực.

- a) 2N
 b) 4N
 c) 6N



Câu 4: Giải thích các hiện tượng sau:

- a) Giải thích ý nghĩa của câu nói "Nước chảy đá mòn" và chỉ ra bản chất lực tác dụng giữa nước và đá để làm mòn đá.
 b) Tại sao trên mặt lốp xe lại có các khía rãnh? Đi xe mà lốp có các khía rãnh đã bị mòn thì có an toàn không? Tại sao?

BGH duyệt

TTCM

NTCM

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Minh Phương

Nguyễn Thị Mai

Ngô Thị Bích Liên



TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2024-2025

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 6

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 30

2. Một số nội dung trọng tâm:

- Một số sản vật tiêu biểu của Hà Nội.
- Một số phong trào “Tương thân tương ái” của thành phố Hà Nội
- Sự ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới sức khỏe của người dân thành phố Hà Nội.

II. Phần 2: Bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Tại sao món ăn Hà Nội bình dị mà tinh tế, dân dã mà nghệ thuật?

- A. Vì sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ các nước tiên tiến nhất trên thế giới
- B. Vì có công thức bí mật được truyền từ ngàn đời
- C. Vì có sự chế biến tinh tế, khéo léo, tài tình
- D. Vì không thay đổi theo thời gian

Câu 2: Hà Nội nổi tiếng với những sản vật nào sau đây?

- A. Cam Canh, bưởi Diễn, vịt cỏ Vân Đình
- B. Bánh xèo, bún bò Huế, chè bắp
- C. Bánh khọt, hủ tiếu, gỏi cá trích
- D. Mì Quảng, cao lầu, bánh bèo

Câu 3: Bưởi Diễn nên được trồng ít nhất bao lâu thì sẽ ngon miệng?

- A. 3-5 năm B. 5-7 năm C. 7-9 năm D. 9-11 năm

Câu 4: Đậu phụ làng Mơ có nguồn gốc từ đâu?

- A. Làng Phú Đô B. Làng Mơ – Mai Động
- C. Làng Vòng D. Làng Chèm

Câu 5: Có thể chia các nghề truyền thống ở Hà Nội thành mấy nhóm nghề chính?

- A. 4 nhóm B. 6 nhóm C. 8 nhóm D. 10 nhóm

Câu 6: Giải pháp nào có thể giúp bảo tồn làng nghề truyền thống?

- A. Tạo điều kiện cho lao động trẻ học nghề và kế thừa
- B. Ngừng sản xuất các mặt hàng truyền thống
- C. Chỉ bán sản phẩm trong nước, không xuất khẩu
- D. Giảm chất lượng sản phẩm để hạ giá thành

Câu 7: Làng Bát Tràng nổi tiếng với nghề truyền thống nào?

- A. Nghề dệt, thêu, ren, may B. Nghề đan song, mây, tre
- C. Nghề chế biến gỗ, lâm sản D. Nghề gốm sứ

Câu 8: Phát triển nghề truyền thống có tác động gì đến các ngành khác?

- A. Thúc đẩy nông nghiệp, du lịch và các ngành dịch vụ khác
- B. Chỉ ảnh hưởng đến ngành thủ công mỹ nghệ
- C. Không có tác động rõ rệt đến các ngành khác
- D. Chỉ giúp phát triển ngành thương mại

Câu 9: Phong trào “Tương thân tương ái” có ý nghĩa gì?

- A. Giúp người dân có thêm việc làm, thêm thu nhập khi có thời gian
- B. Đóng góp nhiều giá trị nhân văn cho xã hội, lan tỏa tinh thần nhân ái, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn

- C. Chỉ dành cho các tổ chức từ thiện lớn
- D. Chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế

Câu 10: Phong trào “Tương thân tương ái” ở Hà Nội có đặc điểm gì?

- A. Chỉ có sự tham gia của các tổ chức từ thiện
- B. Không nhận được sự hưởng ứng của cộng đồng
- C. Chỉ được thực hiện trong một số quận trung tâm
- D. Phát triển mạnh mẽ, sâu rộng với sự tham gia của nhiều cơ quan, đoàn thể và người dân

Câu 11: Một trong những tác động của ô nhiễm đất đối với con người là gì?

- A. Gây ra các bệnh ngoài da, ung thư và một số bệnh khác
- B. Giúp cây trồng phát triển nhanh hơn
- C. Làm giảm số lượng cây trồng trong thành phố
- D. Không có tác động đáng kể đến sức khỏe

Câu 12: Ô nhiễm nước tác động như thế nào đến sản xuất nông nghiệp và thủy sản?

- A. Làm giảm năng suất và chất lượng cây trồng, nuôi trồng thủy sản
- B. Giúp cây trồng phát triển nhanh hơn
- C. Không ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp
- D. Chỉ làm thay đổi màu sắc của nước

Câu 13: Biện pháp nào giúp bảo vệ môi trường nước ở Hà Nội?

- A. Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế
- B. Tăng cường sử dụng nước ngầm để giảm ô nhiễm
- C. Không cần xử lý nước thải vì nước tự nhiên sẽ tự làm sạch
- D. Hạn chế xây dựng hệ thống xử lý nước thải

Câu 14: Gà Mía là đặc sản của vùng nào?

- A. Đông Anh
- B. Sơn Tây
- C. Gia Lâm
- D. Hoàng Mai

Câu 15: Yếu tố nào giúp các làng nghề truyền thống phát triển?

- A. Chỉ sản xuất theo phương pháp cũ
- B. Chỉ dựa vào lao động lớn tuổi
- C. Không cần đổi mới sản phẩm
- D. Được quan tâm bảo tồn và phát triển

2. Tự luận

Câu 1: Nêu những thuận lợi và khó khăn mà các nghề truyền thống đang gặp phải.

Câu 2: Trình bày hiểu biết của em về một trong hai phong trào sau ở thành phố Hà Nội:

1, Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam”

2, Phong trào quyên góp sách vở và đồ dùng học tập cho học sinh vùng bị thiên tai

Câu 3: Em hãy nêu một số biện pháp để bảo vệ môi trường đất.



BGH DUYỆT

Ngô Thị Bích Liên

NHÓM TRƯỞNG

Vũ Thị Hương Giang



TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ VHS

NĂM HỌC 2024 - 2025

VIỆT - HÀN
STAR

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: TIẾNG HÀN 6 - NGOẠI NGỮ 2

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II - KHỐI 6

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Nguyên âm, phụ âm: Bảng chữ cái
2. Âm tiết: phụ âm căng là gì, phụ âm cuối kép là gì, vị trí của phụ âm căng khi kết hợp với nguyên âm.
3. Từ vựng liên quan:
 - 노래: bài hát, 맥주: bia, 새: con chim, 베개: cái gối, 냄새: mùi, 벌레: con sâu, 비행기: máy bay, 냉장고: tủ lạnh
 - 자동차: ô tô, 주차장: bãi đỗ xe, 지하철: tàu điện ngầm, 택시: xe taxi, 기차: tàu hoả, 선풍기: quạt máy, 자판기: máy bán hàng tự động, 세탁기: máy giặt, 코: mũi, 표: vé, 책: sách, 친구: bạn bè, 아침: buổi sáng, 핸드폰: điện thoại di động, 침대: giường, 단추: cúc áo
 - 과일: hoa quả, 전화: điện thoại, 쥐: con chuột, 돼지: con lợn, 바위: đá, 바퀴: bánh xe, 영화: bộ phim, 주의: chú ý
 - 꿈: giấc mơ, 꼬리: đuôi, 땀: mồ hôi, 쓰레기통: thùng rác, 짜요: mặn, 찜질방: phòng tắm hơi, 쌍둥이: sinh đôi, 오른쪽: bên phải, 빵집: tiệm bánh, 비싸요: đắt tiền, 떡: bánh gạo, 공짜: miễn phí, 뚜껑: cái nắp, 토끼: con thỏ, 어깨: vai, 빵: bánh mì
 - 끝: kết thúc, 숲: rừng, 무릎: đầu gối, 꽃: hoa, 부엌: phòng bếp, 밖: bên ngoài, 닭: con gà, 값: giá

4. Quy tắc phát âm:

Nội âm, quy tắc phát âm của nguyên âm ‘-ㅣ’

Quy tắc phát âm phụ âm cuối

II. KỸ NĂNG

1. Phát âm và đọc hiểu

- Phát âm được các phụ âm căng, phụ âm cuối kép, số đếm Hán Hàn, các âm tiết ghép
- Đọc và nắm được nghĩa của các từ vựng đã học.

2. Nghe và viết

- Viết các nguyên âm, phụ âm đúng thứ tự các nét.
- Viết đúng vị trí của phụ âm đầu, nguyên âm ngang/dọc.
- Ghép âm đúng thứ tự và vị trí các nét.
- Viết các từ vựng đúng chính tả.



Môn: Tiếng Hàn

16. Nguyên âm nào có cách phát âm là /uɣ/?
 ① ㅡ ② ㅍ ③ ㅈ ④ ㅊ
17. Nguyên âm nào có cách phát âm là /oa/?
 ① ㅓ ② ㅗ ③ ㅛ ④ ㅜ
18. Phụ âm nào có cách phát âm là /t căng /?
 ① ㅌ ② ㅍ ③ ㅊ ④ ㅍ
19. Phụ âm nào có cách phát âm là /p căng /?
 ① ㅍ ② ㅍ ③ ㅍ ④ ㅍ
20. “어깨” có phụ âm căng là:
 ① ㅍ ② ㅍ ③ ㅍ ④ ㅍ
21. “토끼” có phụ âm bật hơi là:
 ① ㅍ ② ㅍ ③ ㅍ ④ ㅍ
22. “떡” có phụ âm căng là:
 ① ㅍ ② ㅍ ③ ㅍ ④ ㅍ
23. “기차” có phụ âm bật hơi là:
 ① ㅍ ② ㅍ ③ ㅍ ④ ㅍ

BÀI 5: CHỌN TỪ CÓ PHỤ ÂM CUỐI PHÁT ÂM KHÁC VỚI CÁC TỪ CÒN LẠI

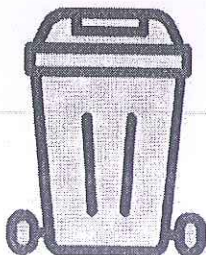
- | | | | |
|----------|------|------|------|
| 24. ① 빵 | ② 꿈 | ③ 암 | ④ 봄 |
| 25. ① 물 | ② 일 | ③ 쑥 | ④ 열 |
| 26. ① 한 | ② 앞 | ③ 입 | ④ 갓 |
| 27. ① 숨 | ② 낮 | ③ 앞 | ④ 갑 |
| 28. ① 것 | ② 끝 | ③ 꽃 | ④ 말 |
| 29. ① 닭 | ② 땀 | ③ 옳 | ④ 활 |
| 30. ① 워 | ② 앓 | ③ 많 | ④ 앓 |
| 31. ① 앓다 | ② 꿈다 | ③ 있다 | ④ 많다 |
| 32. ① 학교 | ② 밖에 | ③ 주말 | ④ 부엌 |

BÀI 6: CHỌN PHÁT ÂM ĐÚNG CỦA TỪ

- | | | | | |
|-----------|---------|---------|---------|---------|
| 33. "의문" | ① [의문] | ② [이문] | ③ [의무] | ④ [이무] |
| 34. "의미" | ① [의미] | ② [이미] | ③ [이무] | ④ [의민] |
| 35. "앉아서" | ① [안자서] | ② [앉아서] | ③ [안아서] | ④ [안자여] |
| 36. "끓어요" | ① [끓어요] | ② [구머요] | ③ [굴머요] | ④ [굴어요] |
| 37. "짹아요" | ① [짹바요] | ② [짹어요] | ③ [짹아요] | ④ [짹아요] |
| 38. "싫어요" | ① [실허요] | ② [시러요] | ③ [싫어요] | ④ [심어요] |
| 39. "목요일" | ① [모요일] | ② [목요일] | ③ [모교일] | ④ [목요일] |
| 40. "외국인" | ① [외욱긴] | ② [외구긴] | ③ [외구인] | ④ [외국인] |

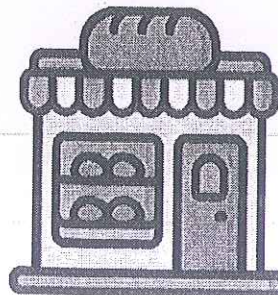
BÀI 7: NHÌN TRANH VÀ CHỌN TỪ TƯƠNG ỨNG

41.



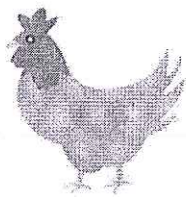
- ① 쓰레기통
- ② 쓰레기
- ③ 찜질방
- ④ 비싸요

42.



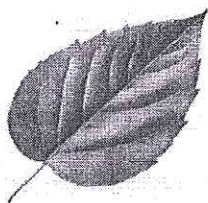
- ① 토끼
- ② 빵집
- ③ 어깨
- ④ 꼬리

43.



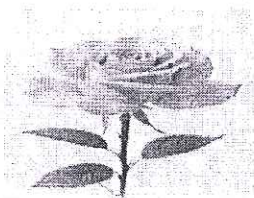
- ① 굴
- ② 땀
- ③ 닭
- ④ 달

45.



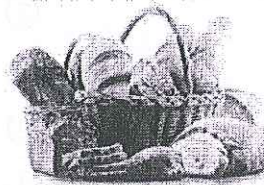
- ① 빛
- ② 달
- ③ 잎
- ④ 숲

47.



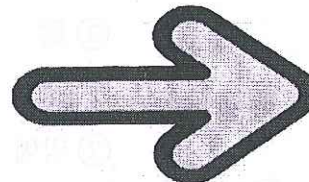
- ① 꽃
- ② 값
- ③ 밖
- ④ 끝

44.



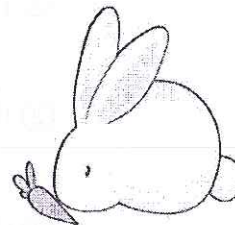
- ① 빵
- ② 밖
- ③ 쪽
- ④ 꿀

46.



- ① 오른쪽
- ② 찢질방
- ③ 쌍둥이
- ④ 쓰레기

48.



- ① 짜요
- ② 뚜껑
- ③ 토끼
- ④ 어깨

III. 쓰기 - VIẾT

BÀI 8: SẮP XẾP PHỤ ÂM/ NGUYÊN ÂM ĐÃ CHO, HÃY VIẾT LẠI TỪ VỰNG

49. Cái nắp (ㄸ, ㅏ, ㅓ, ㅣ, ㅕ): _____

53. Bánh mì (ㅁ, ㅣ, ㅕ, ㅕ): _____

50. Giấc mơ (ㅓ, ㅏ, ㅕ, ㅕ): _____

54. Mồ hôi (ㄸ, ㅣ, ㅕ, ㅕ): _____

51. Đầu gối (ㅕ, ㅏ, ㅕ, ㅣ, ㅕ): _____

55. Mặn (ㅁ, ㅣ, ㅕ, ㅕ): _____

52. Bánh gạo (ㄸ, ㅣ, ㅕ): _____

56. Miễn phí (ㅓ, ㅏ, ㅕ, ㅕ, ㅣ): _____

BÀI 9: ĐIỀN ÂM TIẾT CÒN THIẾU VÀO Ô TRỐNG ĐỂ TẠO THÀNH TỪ VỰNG

57. Bên phải:

61. Đất tiền:

오	른	
---	---	--

비		요
---	--	---

58. Đuôi:

62. Nhà bếp:

꼬	
---	--

	억
--	---

59. Tiệm bánh

63. Miễn phí

	집
--	---

공	
---	--

60. Con thỏ

토	
---	--

Trường: THCS _____ Lớp: _____
Họ tên: _____

Nội dung Ôn tập Cuối học kỳ II - Lớp 6
Môn TIẾNG NHẬT

Nội dung đã học

1. Từ vựng: nghề nghiệp, số đếm người, đếm tuổi, đếm giờ, đếm phút, ...

2. Ngữ pháp:

• Bài 8

Sở thích của người khác

<+> N₁ 人は N₂ が すきです。

<-> N₁ 人は N₂ が すきではありません。

<?> N₁ 人は N₂ が すき

• Bài 10

(1) Hỏi người

A: X は なんにんですか。

B: X は ~にんです。

(2) Hỏi tuổi

A: X は なんさいですか。

B: X は ~さいです。

• Bài 9

Giới thiệu nghề nghiệp, quốc tịch..

<+> N₁ は N₂ です。

<-> N₁ は N₂ ではありません。

• <?> N₁ は N₂ ですか。

• Bài 11: Giờ thức dậy/ ngủ

(1) A: Bさんは なんじに おきますか

B: ~じに おきます。

(1) A: Bさんは なんじに ねますか

B: ~じに ねます。

I. Chữ cái và từ vựng

Bài 1: Em hãy viết các từ vựng sau bằng chữ Katakana và học thuộc lòng

STT		Katakana	STT		Katakana
1.	Hà Nội (ha no i)		11	Thái Lan (ta i)	
2.	Hải Phòng (ha i fo n)		12	Philippine (fi ri p pin)	
3.	Đà Lạt (da ra t to)		13	Indonesia (i n do ne shi a)	
4.	Huế (fu e)		14	Mỹ (a me ri ka)	
5.	Nha Trang (nya cha n)		15	Anh (i gi ri su)	
6.	Hồ Chí Minh (ho - chi mi n)		16	Pháp (fu ra n su)	
7.	Việt Nam (be to na mu)		17	Đức (do i tsu)	
8.	Campuchia (ka n bo ji a)		18	Ý (i ta ri a)	
9.	Lào (ra o su)		19	Nga (ro shi a)	
10.	Malaysia (ma re - shi a)		20	Canada (ka na da)	

Bài 2: Em hãy viết các từ sau sang tiếng Nhật (bằng chữ Hiragana hoặc Katakana đúng theo những gì được học trên lớp và sách giáo khoa) và học thuộc lòng

STT	Tiếng Việt	にほんご	STT	Tiếng Việt	にほんご
1.	Quán cà phê (Ka fe)		18	Bác sĩ (i sha)	
2.	Máy vi tính (Ko n pyu - ta -)		19	Kỹ sư (e n ji ni a)	

3.	Nước ép hoa quả (Ju – su)	20	Nhân viên công ty (ka i sha i n)
4.	Sô cô la (Cho ko re – to)	21	Hướng dẫn viên (ga i do)
5.	Bữa tiệc (Pa – ti –)	22	Bộ đội (gu n ji n)
6.	Phở (Fo -)	23	Cảnh sát (ke i sha tsu ka n)
7.	Bún chả (Bu n cha –)	24	Học sinh thpt (ko u ko u se i)
8.	Bánh chưng (Ba i n chu n)	25	Học sinh thcs (chu ga ku se i)
9.	Hoa quả (Ku da mo no)	26	Công chức nhà nước (ko u mu i n)
10.	Táo (Ri n go)	27	Món ăn việt nam (be to na mu ryo u ri)
11.	Động vật (Do – bu tsu)	28	Du lịch (ry o ko u)
12.	Tên (Na ma e)	29	Em gái (i mo u to)
13.	Cái gì (Na ni)	30	Em trai (o to u to)
14.	Con cá (sa ka na)	31	Bé trai (o to ko no ko)
15.	Thức dậy (o ki ma su)	32	Bé gái (o n na no ko)
16.	Ngủ (ne ma su)	33	Lớp (ku ra su)
17.	Bây giờ (i ma)	34	Mọi người (mi n na)

Bài 3: Em hãy hoàn thành bảng số đếm sau:

	Số người	Số tuổi	Giờ	Phút
1				
2			にじ	
3				
4				
5				ごふん
6	ろくにん			
7				
8				
9		きゅうさい		
10				
?	なんにん	なんさい	なんじ	なんぷん

III. Ngữ pháp

Bài 1: Em hãy chọn đáp án phù hợp nhất

1. ナムさんは アニメ _____ すきです。
a. と b. の c. が d. に
2. ハーさんは バナナ () すきです () 。
a. かーが b. がーが c. かーか d. がーか
3. わたしは もも () すきです。すいか () すきです。
a. がーが b. がーも c. かーが d. かーも
4. 「ナムさんは () が すきですか。」 — 「バナナが すきです。」
a. バナナ b. なに c. ドリアン d. なん
5. 「ミンさんは () ですか。」 — 「いいえ。ベトナムじんです。」
a. なんじん b. アメリカじん c. ひとり d. なに
6. 「タンさんは こうこうせいですか。」 「はい、 () 。」
a. そうです b. ちゅうがくせい です c. タンです d. こうこうせいではありません
7. 「マイさんは せんせいですか。」 「はい、 () 。」
a. そうです b. せいと です c. タンです d. せんせいではありません
8. アンさんは ベトナムじんです。ランさんも () です。
a. ベトナムじん b. にほんじん c. せんせい d. せいと
9. おとうさんは ぐんじんです。おかあさん () せんせいです。
a. は b. も c. が d. と
10. おとうさんは いしゃです。おかあさん () いしゃでは ありません。
a. は b. も c. が d. と
11. アンさんは 12 さいです。ランさん () 12 さいです。
a. が b. も c. は d. に
12. アンさんは 12 さいです。アインさん () 13 さいです。
a. が b. も c. は d. に
13. 「みなみさんの クラスは () ですか。」 「38 にんです。」
a. なに b. なんさい c. なん d. なんにん
14. かぞくは () です。おとうさん、おかあさんです。
a. さんにん b. よにん c. ごにん d. ろくにん
15. 「ゆりさんは () ですか。」 — 「わたしは 11 さいです。」
a. なん b. なんさい c. なに d. なんにん
16. 「けんさんは () ですか。」 — 「はい、そうです。」
a. なに b. なんさい c. ガイド d. そう
17. 「() 。アンです。18 さいです。よろしくおねがいします。」
a. すみません b. はじめまして c. ありがとう d. どうぞよろしく
18. 「はじめまして。アンです。12 さいです。」 「() 。」
a. すみません b. はじめまして c. ありがとう d. どうぞよろしく
19. リンさんは よる 9 じはんに () 。
a. ねます b. おきます c. すきです d. です
20. アインさんは あさ 6 じはん () おきます。
a. の b. が c. は d. に
21. ミンさん () なんじ () おきますか。
a. もーに b. もーが c. はーに d. はーが
22. ランさんは () に おきますか。…5 じはんに おきます。

- a. なに b. なんにん c. なんさい d. なんじ

Bài 2: Hãy sắp xếp các từ sau thành câu có nghĩa

① マンゴスチン／せんせい／が／です／は／好き／。

→

② なに／あなた／か／です／好き／は／。／が

→

③ ビール／おじいさん／ではありません／好き／は／。／が

→

④ なんにん／かぞく／は／です／。／か

→

⑤ なんさい／は／クラス／です／。／か

→

⑥ いしゃ／は／おかあさん／です。

→

⑦ ミンさん／か／ねます／に／なんじ／。

→

⑧ おきます／6じ／は／わたし／に／あさ／。

→

IV. Hội thoại

Em hãy chọn đáp án phù hợp ở các hội thoại sau

1. A: あ、リンさん、どうぞ。…B: ()。

- A. ありがとう B. すみません C. おじゃまします D. おねがいします

2. A: いってきます。…B: ()。

- A. ただいま B. おかえりなさい C. さようなら D. いってらっしゃい

3. A: ただいま。…B: ()。

- A. いってらっしゃい B. おかえりなさい C. さようなら D. いってらっしゃい

4. A: しつれいします。…B: ()。

- A. どうも B. どうぞ C. ありがとう D. しつれいします

5. A: すみません。あなたは ちゅうがくせいですか。…B: ()。

- A. はい、そうですか B. はい、そうですね C. はい、そうですよ D. はい、そうです

6. A: クラスは みんな ベトナムじんです。…B: ()。

- A. そうですか B. そうですね C. そうですよ D. そうです

V. Đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và chọn phương án đúng để điền vào chỗ trống

はじめまして。はなこです。にほんじんです。16 さいです。かぞくは(1) です。
おとうさんと、おかあさんと、おねえさんと、おとうとです。(2) は ちゅうがくせいです。
わたしは どうぶつが すきです。ねこが すきです。(3) も すきです。(4) 。

- | | | | |
|-------------|----------|----------|----------------|
| 1. a. さんにん | b. よにん | c. ごにん | d. ろくにん |
| 2. a. おとうさん | b. おかあさん | c. おねえさん | d. おとうと |
| 3. a. すいか | b. いぬ | c. にんぎょう | d. おみやげ |
| 4. a. じゃあね | b. さようなら | c. そうですか | d. よろしくおねがいします |

はじめまして。あきこです。にほんじんです。12さいです。かぞくは(1)です。
おとうさんと、おかあさんと、おにいさんです。(2)はこうこうせいです。わたしは
ベトナムりょうりがすきです。バインミーがすきです。(3)もすきです。(4)。

- | | | | |
|---------------|------------|------------|-----------|
| 1. a. さんにん | b. よにん | c. ごにん | d. ろくにん |
| 2. a. おとうさん | b. おかあさん | c. いもうと | d. おにいさん |
| 3. a. ケーキ | b. フォー | c. クラス | d. パーティー |
| 4. a. おかえりなさい | b. おじゃまします | c. どうぞよろしく | d. しつれします |

VI. Làm văn

Dựa vào mẫu sau, em hãy viết bài văn giới thiệu bản thân của mình

- Xin chào (ha ji me ma shi te): _____
- Tôi tên là ~ (wa ta shi wa __ de su): _____
- 12 tuổi, là người Việt Nam, là học sinh THCS: (juu ni sa i desu, be to na mu ji n de su, chu u ga ku se i de su) _____

- Tôi thích ~ (~ ga su ki de su): _____
- Gia đình có __ người (liệt kê) (ka zo ku wa ~ ni n de su): _____
- Bố __ tuổi, (nghề) (o to u sa n wa __ sa i de su. __ de su): _____

- Mẹ __ tuổi, (nghề) (o to u sa n wa __ sa i de su. __ de su): _____

- Anh/ chị/ em __ tuổi, (nghề): _____
- Rất mong được giúp đỡ (do u zo yo ro shi ku o ne ga i shi ma su): _____

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2024-2025**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA
CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
HƯỚNG NGHIỆP 6**

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức

- Em với cộng đồng
- Em với thiên nhiên và môi trường
- Khám phá thế giới nghề nghiệp

2. Một số câu hỏi trong tâm hoặc nội dung kiến thức cần nắm được

- Trình bày về cách giữ gìn thiên nhiên và môi trường.
- Kể tên các nghề nghiệp trong xã hội mà em biết
- Nêu những thuận lợi và khó khăn khi tham gia các hoạt động phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HOA

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Hoạt động nào dưới đây không phải là hoạt động thiện nguyện?

- A. Giúp đỡ người già neo đơn.
- B. Tham gia các hoạt động gây quỹ ủng hộ người có hoàn cảnh khó khăn.
- C. Trồng rau, nuôi gà giúp gia đình.
- D. Tặng lương thực, thực phẩm cho người ở vùng lũ lụt.

Câu 2: Việc làm nào sau đây không phải để thiết lập mối quan hệ cộng đồng?

- A. Không quan tâm đến các sự kiện diễn ra ở địa phương.
- B. Tham gia các câu lạc bộ tình nguyện.
- C. Chia sẻ, cảm thông, thấu hiểu với những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.
- D. Tham gia các hoạt động tập thể ở trường lớp, thôn xã nơi em sống.

Câu 3: Đây là hành vi chưa có văn hóa nơi công cộng?

- A. Chào hỏi, thể hiện sự vui vẻ thân thiện.
- B. Cãi vã, ẩu đả khi có va chạm giao thông.
- C. Nhường chỗ cho người già, em nhỏ.
- D. Nói lời lẽ phép, khiêm tốn.

Câu 4: Bản thân em đã thực hiện hành vi có văn hóa nào nơi công cộng?

- A. Vứt rác bừa bãi.
- B. Hút thuốc, nhả kẹo cao su tại nơi công cộng.
- C. Ngồi, nằm chiếm ghế đá.
- D. Nói năng nhỏ nhẹ khi ở thư viện.

Câu 5: Tại sao cần có mối quan hệ tốt đẹp với những người hàng xóm xung quanh mình?

- A. Vì họ mang lại nhiều lợi ích cho ta.



B. Vì họ giúp đỡ khi ta cần.

C. Vì họ cùng tham gia các hoạt động cộng đồng và sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ khi ta gặp khó khăn.

D. Vì họ luôn làm theo sở thích của ta.

Câu 6. Nghề nào dưới đây không phải nghề truyền thống?

A. Nghề làm đồng hồ.

C. Nghề dệt lụa.

B. Nghề làm gốm.

D. Nghề làm trống.

Câu 7. Trong những hành động sau, hành động nào góp phần bảo vệ cảnh quan thiên nhiên?

A. Bảo vệ các loài động vật, thực vật sống trong các khu rừng.

B. Nuôi nhốt gấu để lấy mật.

C. Xả nước thải chưa qua xử lý ra sông, biển.

D. Khai thác những cây gỗ quý, cây cổ thụ trong rừng nguyên sinh.

Câu 8. Ở xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có nghề truyền thống nào sau đây?

A. Nghề chạm bạc.

B. Nghề đúc đồng.

C. Nghề làm bánh cáy.

D. Nghề dệt chiếu cói.

Câu 9. Mục tiêu của hoạt động “Giọt hồng ước mơ” là gì?

A. Chữa các bệnh về máu.

B. Khám sức khỏe định kỳ.

C. Chữa bệnh miễn phí.

D. Hiến máu nhân đạo, lưu trữ máu để cứu sống bệnh nhân.

Câu 10. Hiệu ứng nhà kính không có tác động nào sau đây?

A. Xói mòn đất.

C. Tăng độ phì nhiêu cho đất.

B. Gây lũ lụt.

D. Gây hạn hán.

Câu 11. Xác định những việc làm nào có thể làm để bảo vệ môi trường nơi tham quan và chuẩn bị các vật liệu cần thiết?

A. Phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn.

B. Lắng nghe và học hỏi tất cả mọi người.

C. Trồng cây xanh: cây non, xẻng, bình tưới nước, phân bón.

D. Tăng cường sử dụng túi nilon và các đồ dùng làm bằng nhựa.

Câu 12. Ý nào sau đây là hoạt động cộng đồng

A. Giúp mẹ dọn rác trong sân.

C. Chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ.

B. Hàng ngày tập thể dục đều đặn.

D. Đưa bạn đến trường mỗi ngày.

Câu 13. Nhóm nào thuộc “Hoạt động văn hoá” trong cộng đồng?

A. Lễ hội quê hương, tham gia biểu diễn văn nghệ cho các hoạt động ở địa phương.

B. Thiện nguyện, hiến máu.

C. Vệ sinh khu vực nơi em ở.

D. Tham gia hoạt động ở các không gian chung: trung tâm thương mại, trường học.

Câu 14. Đâu là vấn đề nảy sinh trong gia đình?

A. Cùng trò chuyện sau bữa cơm tối.

C. Mọi người động viên, an ủi nhau.

B. Bố mẹ ít quan tâm đến con cái.

D. Chăm sóc sức khỏe khi bị ốm.



- A. rừng nguyên sinh với nhiều động vật hoang dã.
- B. cánh đồng lúa và bãi biển Đồng Châu.
- C. đồi núi và ruộng bậc thang.
- D. hang động và thác nước.

Câu 16. Yêu cầu lắng nghe tích cực khi tiếp nhận những ý kiến đóng góp từ người thân trong gia đình là:

- A. không chú ý làm việc khác.
- B. dừng mọi việc để tập trung lắng nghe.
- C. không tập trung.
- D. vừa lắng nghe vừa làm việc khác.

Câu 17. Biện pháp nào sau đây hiệu quả trong việc bảo vệ cảnh quan, môi trường Hà Nội

- A. Sử dụng nhiều loại phương tiện giao thông.
- B. Trồng nhiều cây xanh.
- C. Tăng cường sử dụng túi nilon.
- D. Sử dụng bếp ga, than tổ ong.

Câu 18. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” ở Hà Nội được phát động từ khi nào?

- A. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- B. Sau chiến tranh chống Mỹ.
- C. Sau ngày thống nhất đất nước.
- D. Sau chiến tranh chống Pháp.

Câu 19. Mục tiêu chính của phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” ở Hà Nội là gì?

- A. Thể hiện lòng biết ơn đối với những người đã hi sinh vì độc lập tự do của đất nước, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”.
- B. Giúp đỡ các gia đình người có công với cách mạng về mặt vật chất.
- C. Giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ.
- D. củng cố nền an ninh quốc phòng.

Câu 20. Hậu quả của việc ô nhiễm môi trường là gì?

- A. Làm đất đai màu mỡ.
- B. Bầu không khí trong lành.
- C. Tạo điều kiện cho các loài sinh vật phát triển.
- D. Hạn chế du khách đến tham quan.

2. Tự luận:

Câu 1. Em có thể làm được những việc gì để góp phần bảo tồn cảnh quan thiên nhiên?

Câu 2. Theo em cần làm gì để phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” ngày càng hiệu quả?

Câu 3. Lan có Bác làm ở ngân hàng. Lan cho rằng, làm ngân hàng thì mới có nhiều tiền, không phải lao động vất vả. Vì vậy, Lan rất ngưỡng mộ Bác và mong muốn sau này cũng sẽ được làm nghề đó. Em có đồng tình với suy nghĩ và thái độ của Lan không? Vì sao?

BCH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

NTCM

Hoàng Hương Giang

